

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22/9/2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Khắc Thái.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa
án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên
tòa:** Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên
toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2021/TLST-
HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
50/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 06/9/2021 về việc “*Ly hôn*”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Chị V và anh C đều vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13/4/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 21/05/2021
và đơn đề nghị xử vắng mặt chị V trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và anh C kết hôn với nhau vào năm 1995 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân tự nguyện. Nhưng do thời gian đã lâu nên Giấy chứng nhận kết hôn của tôi đã bị mất, tôi xin cấp lại nhưng do UBND xã S không còn hồ sơ lưu trữ nên UBND xã S không cấp trích lục kết hôn cho tôi. Tôi và anh C đã ra UBND xã S đăng ký kết hôn mới vào ngày 12/4/2021.

Từ khi kết hôn (năm 1995) vợ chồng chung sống tại thôn A, xã S, huyện N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C thường xuyên đi làm ăn xa trong ĐăkLăk không gửi tiền về cho vợ con, không có trách nhiệm gì với vợ con, thỉnh thoảng anh C về nhà một lần, mỗi lần về anh C thường xuyên rượu chè rồi chửi bới, đánh đập chị. Đầu năm 2021 (khoảng tháng riêng âm lịch) thì chị phát hiện anh C mắc nghiện ma túy đá, anh C có thừa nhận với chị về việc nghiện. Công an xã S có triệu tập anh C lên làm việc và đến nhà chị để thu các dụng cụ của anh C để sử dụng ma túy đá. Ngày 12/4/2021 anh C đánh chị và bị Công an xã S triệu tập để làm việc. Chị đề nghị anh C đăng ký kết hôn mới để chị làm thủ tục xin ly hôn với anh C thì anh C cũng nhất trí. Công an xã S tiến hành lập hồ sơ để đưa anh C đi cai nghiện ma túy thì anh C bỏ vào ĐăkLăk và hẹn tháng 7/2021 âm lịch sẽ về để giải quyết ly hôn cùng chị.

2. *Về con chung:* Chị và anh C có 02 con chung là các cháu Nguyễn Tuấn C sinh năm 1996 và Nguyễn Thị L sinh 1998 hiện nay cả hai cháu đã đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Ý kiến anh C: Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/8/2021 như sau:

1. Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Anh xác định đã nhận được thông báo thụ lý về việc chị V xin ly hôn anh. Anh xác định thời điểm chị V xin ly hôn anh thì anh đi làm ăn xa, khi về thì anh bị cách ly nên không đến Tòa án làm được. Anh xác định thời gian trước đây có uống rượu và có sai sót với chị V, tuy nhiên hiện nay anh, chị cũng đã có tuổi, đã có cháu rồi nên cũng không muốn gia đình tan vỡ. Anh sẽ cố gắng sửa chữa sai sót trong thời gian tới để vợ chồng về đoàn tụ gia đình, mong muốn tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

2. *Về con chung:* anh xác định có 02 con chung như ý kiến của chị V. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện:

Đề nghị HĐXX:

- Áp dụng Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS.

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị V.

3.1 *Về quan hệ hôn nhân:* Xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị V và anh Nguyễn Văn C.

3.2 *Về án phí:* Chị Trịnh Thị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn ” giữa chị Trịnh Thị V và anh Nguyễn Văn C. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. *Về thủ tục tố tụng:* Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị V. Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho

các đương sự chị V đã chấp hành đầy đủ, anh C không chấp hành đầy đủ, anh không yêu cầu Tòa án hòa giải và đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Đến ngày 06/9/2021 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Từ lời khai của đương sự từ kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Chị Trịnh Thị V sống chung với anh Nguyễn Văn C từ năm 1995 tại thôn A, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Nhưng đến ngày 12/4/2021 thì mới đăng ký kết hôn tại UBND xã S là hôn nhân hợp pháp. Từ khi chung sống với nhau đến khi đăng ký kết hôn, giữa vợ chồng chị V đã có thời gian sống hạnh phúc. Nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh, cãi, chửi nhau làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Nguyên nhân do anh C nghiện ma túy đá và thường xuyên uống rượu say. Từ thực tế đời sống chung chị V, anh C đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V. Xử lý hôn giữa chị V và anh C là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị V và anh C có 2 con chung là Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị L, sinh năm 1998 đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không phải giải quyết.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

5. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị V phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS.
- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị V và anh Nguyễn Văn C
2. *Về con chung*: Không giải quyết.
3. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003315 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm, chị V và anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã S;
- Dương sự;
- Lưu./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Minh Lực